

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2021

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Kim Nương.

2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2020/TLST-HN ngày 12 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HN ngày 13 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-HN ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Trương Thị H**, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện CT, tỉnh T (có mặt).

2.Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Bé M**, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp MT, xã PL, huyện TP, tỉnh TG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2015, chị và anh M được sự đồng ý của hai bên gia đình đã tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TP cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67/2015 ngày 11-8-2015. Sau khi

kết hôn thì anh chị về cất nhà sống riêng tại ấp B, xã Đ, huyện CT, tỉnh T. Thời gian sống chung vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do anh M không lo làm ăn thường xuyên uống rượu về gây cãi với vợ, thường hành hung vợ. Vợ chồng đã có lần ly thân nhau nhưng do thương con nên chị hàn gắn sống chung trở lại. Thời gian sống chung anh M không thay đổi tính tình thường đánh vợ, lần gần đây là tháng 10-2020 anh M đánh chị gây thương tích phải nằm bệnh viện điều trị. Từ tháng 10-2020 đến nay, anh M về xã PL, huyện TP sống chỉ đến thăm con và kiếm chuyện gây gổ với vợ mà không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn Bé M.

Về nuôi con chung: Thời gian sống chung, vợ chồng có một con chung Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 24-4-2015, con chung đang sống cùng chị tại ấp B, xã Đ, huyện CT từ khi sinh ra cho đến nay. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Khu công nghiệp TH có nguồn thu nhập ổn định, có chỗ ở ổn định đủ khả năng nuôi con chung. Anh M thường xuyên nhậu say không lo cho con cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

***Bị đơn Nguyễn Văn Bé M:**

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng anh M vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trương Thị H tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Văn Bé M, địa chỉ: ấp MT, xã PL, huyện TP, tỉnh TG nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Bé M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Văn Bé M sống chung năm 2015 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TP, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M là hôn nhân hợp pháp. Xét tình cảm giữa anh chị sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do anh chị bất đồng quan điểm sống, anh M không chăm lo làm ăn thường xuyên nhậu say về hành hung chị nhiều lần, thời gian sống chung có lần anh chị đã ly thân với nhau nhưng vì thương con nên chị hàn gắn về sống chung. Thời gian sống chung anh M vẫn không thay đổi tính tình thường đánh chị. Anh chị ly thân từ năm 10-2020 đến nay, thời gian ly thân anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau cũng như không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh M không đến tham dự cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của chị H, nay chị H xin ly hôn do không còn tình cảm với anh M, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị H.

[4] Về nuôi con chung: Quá trình sống chung, anh chị có một con chung Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 24-4-2015. Hiện nay con chung đang sống cùng chị H, chị có nguyện vọng được nuôi con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét

thấy hiện nay con chung đang sống ổn định cùng chị H. Chị H có chỗ ở ổn định và đang làm công nhân có nguồn thu nhập có điều kiện để nuôi dưỡng con chung, nên cần thiết tiếp tục giao con chung Nguyễn Hoàng A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống cho con chung. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 24-4-2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Trương Thị H phải chịu án phí HNST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56. Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị H và anh Nguyễn Văn Bé M.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 24-4-2015 cho chị Trương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn Bé M được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn Bé M chưa phải đóng góp nuôi con chung do chị Trương Thị H chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20758 ngày 11-11-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị H đã nộp đủ án phí HNST.

5. Quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã PL, huyện TP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thuyền